

Số: 1091/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày 11 tháng 7 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đa dạng sinh học ngày 10 tháng 12 năm 2018;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 149/QĐ-TTg ngày 28 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 3019/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái về việc ban hành Chương trình công tác trọng tâm của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái năm 2022;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 242/TTr-STNMT ngày 16 tháng 6 năm 2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch hành động thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Yên Bái.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Yên Bái;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc VN tỉnh;
- Các tổ chức chính trị xã hội của tỉnh;
- Chủ tịch, Phó chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh (đăng tải);
- Chánh, Phó Chánh Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT. u

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

NGUYỄN THẾ PHƯỚC



Nguyễn Thế Phước



KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện Chiến lược quốc gia về đa dạng sinh học đến năm 2030,
tầm nhìn đến năm 2050 trên địa bàn tỉnh Yên Bái

(Ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2022
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

I. QUAN ĐIỂM, MỤC TIÊU VÀ TẦM NHÌN

1. Quan điểm

a) Đa dạng sinh học là vốn tự nhiên quan trọng để phát triển kinh tế xanh; bảo tồn đa dạng sinh học vừa là giải pháp trước mắt, vừa là giải pháp lâu dài, bền vững nhằm bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Bảo tồn đa dạng sinh học kết hợp sử dụng bền vững các dịch vụ hệ sinh thái và đa dạng sinh học góp phần phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; thực hiện tiếp cận hệ sinh thái trong bảo tồn và sử dụng đa dạng sinh học.

c) Bảo tồn đa dạng sinh học là quyền và trách nhiệm của mọi tổ chức, cá nhân; lợi ích từ đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái được chia sẻ công bằng, hợp lý, phù hợp với sự tham gia, đóng góp của tổ chức và cá nhân.

d) Tăng cường nguồn lực, ưu tiên đầu tư bảo tồn đa dạng sinh học, phục hồi và phát triển các hệ sinh thái tự nhiên; đẩy mạnh xã hội hóa và tăng cường hợp tác quốc tế về bảo tồn đa dạng sinh học.

2. Mục tiêu đến năm 2030

a) Mục tiêu tổng quát

Gia tăng diện tích các hệ sinh thái tự nhiên được bảo vệ, phục hồi và bảo đảm tính toàn vẹn, kết nối; đa dạng sinh học được bảo tồn, sử dụng bền vững nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội theo định hướng nền kinh tế xanh, chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu.

b) Mục tiêu cụ thể

Mở rộng và nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống các khu bảo tồn thiên nhiên; duy trì, bảo vệ và phát triển hệ thống rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn, phấn đấu 100% các khu bảo tồn thiên nhiên của tỉnh được đánh giá hiệu quả quản lý; nâng cao tính đa dạng sinh học của rừng trồng; tỷ lệ che phủ rừng

toàn tỉnh duy trì ổn định 63%; phục hồi ít nhất 7% diện tích hệ sinh thái tự nhiên bị suy thoái; bảo vệ các vùng đất ngập nước trong tỉnh, phục hồi các hệ sinh thái đất ngập nước ở những vùng dễ bị tổn thương về môi trường, quy hoạch các vùng nuôi trồng và khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản.

3. Tầm nhìn đến năm 2050

Đến năm 2050, các hệ sinh thái tự nhiên quan trọng, các loài nguy cấp, nguồn gen quý, hiếm được phục hồi, bảo tồn thực sự hiệu quả; đa dạng sinh học và dịch vụ hệ sinh thái được lượng giá đầy đủ, sử dụng bền vững và mang lại lợi ích thiết yếu cho mọi người dân, góp phần bảo đảm an ninh sinh thái, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, đóng góp vào phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Tăng cường bảo tồn, phục hồi đa dạng sinh học

a) Mở rộng và nâng cao hiệu quả quản lý hệ thống di sản thiên nhiên, khu bảo tồn thiên nhiên và hành lang đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh

- Thực hiện hiệu quả nội dung phương án bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong Quy hoạch tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Áp dụng mô hình cơ quan quản lý thống nhất hệ thống các khu bảo tồn, chú trọng đến sự tham gia và lợi ích của cộng đồng dân cư sinh sống trong vùng đệm.

- Kiện toàn và tăng cường năng lực hệ thống quản lý các khu bảo tồn thiên nhiên trên địa bàn tỉnh; rà soát, hoàn thiện chức năng nhiệm vụ, tổ chức hoạt động và nâng cao năng lực của các Ban quản lý khu bảo tồn; đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, hệ thống kỹ thuật, trang thiết bị phục vụ công tác quản lý, hệ thống quan trắc đa dạng sinh học; giáo dục môi trường, đa dạng sinh học.

b) củng cố và mở rộng các khu vực tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia

- Tiếp tục bảo vệ nghiêm ngặt các hệ sinh thái tự nhiên có tầm quan trọng quốc gia (Khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hầu và Khu Bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải).

- Tiếp tục trồng mới, cải thiện chất lượng rừng và nâng cao độ che phủ rừng, phấn đấu đến năm 2030 và năm 2050 tỷ lệ che phủ rừng giữ ổn định 63%.

c) Áp dụng biện pháp bảo tồn hiệu quả tại khu vực ngoài khu bảo tồn thiên nhiên

- Điều tra, đánh giá và lập bản đồ phân vùng sinh thái, xác định các vùng sinh thái có tính đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm.

- Điều tra, thống kê diện tích, đánh giá tình trạng, lập ngân hàng dữ liệu, bản đồ về các vùng đất ngập nước tự nhiên và các hệ sinh thái tự nhiên đặc thù khác.

- Tiếp tục bảo vệ nghiêm ngặt rừng nguyên sinh; thực hiện các biện pháp bảo vệ, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng phá, khai thác rừng trái phép nhằm bảo vệ rừng tự nhiên, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ đầu nguồn; bảo vệ các khu vực tập trung sinh sản, khu vực thủy sản còn non tập trung sinh sống.

- Thúc đẩy việc quản lý hiệu quả các vùng đất ngập nước quan trọng; thực hiện kế hoạch bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước trên địa bàn tỉnh, ưu tiên đối với các lưu vực sông Thao, sông Chảy, ngòi Thia, ngòi Hút, hồ Thác Bà.

d) Phục hồi hệ sinh thái tự nhiên quan trọng bị suy thoái

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Kế hoạch hành động quốc gia về bảo tồn và sử dụng bền vững các vùng đất ngập nước giai đoạn 2021 - 2030; Đề án Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025, gắn với mục tiêu phục hồi và phát triển hệ sinh thái rừng trên địa bàn tỉnh.

- Áp dụng các biện pháp khoanh nuôi tái sinh, phục hồi tự nhiên các hệ sinh thái bị suy thoái trong các khu bảo tồn thiên nhiên, các khu vực đa dạng sinh học cao, hành lang đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh; thực hiện các biện pháp làm giàu rừng bằng cây bản địa và đẩy mạnh các hoạt động phòng, chống cháy rừng, nâng cao năng lực ứng phó với cháy rừng ở các cấp.

2. Bảo tồn và phục hồi các loài hoang dã nguy cấp, đặc biệt là các loài động vật nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ, loài di cư

- Xây dựng chương trình bảo tồn các loài động, thực vật quý hiếm đang có nguy cơ tuyệt chủng hiện đang còn tại một số khu vực như: Khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hầu, huyện Văn Yên; Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải; khu rừng Tân Phụng, huyện Lục Yên; khu rừng Việt Hồng, huyện Trấn Yên; sông Thao, sông Chảy, ngòi Thia, hồ Thác Bà.

- Tổ chức điều tra và công bố Danh mục và định kỳ cập nhật danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định; xây dựng danh mục các nhóm loài hoang dã nguy cấp và chế độ quản lý, bảo vệ phù hợp với từng nhóm loài.

3. Tăng cường công tác bảo tồn nguồn gen, quản lý tiếp cận nguồn gen, chia sẻ lợi ích và bảo vệ tri thức truyền thống về nguồn gen

- Thực hiện hiệu quả Chương trình bảo tồn và sử dụng bền vững nguồn gen đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Đề án tăng cường năng lực về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ công bằng, hợp lý lợi ích phát sinh từ việc sử dụng nguồn gen giai đoạn 2016-2025.

- Tổ chức việc điều tra kiểm kê tình hình phân bố của các nguồn gen cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh; đánh giá được mức độ đe dọa của các giống, loài bản địa, đặc hữu, quý, hiếm làm giống, để thu thập cho lưu giữ và có phương án bảo tồn hiệu quả nguồn gen.

- Thực hiện bảo tồn và phát triển các giống cây trồng, vật nuôi bản địa có nguồn gen quý hiếm đã được xác định như: táo mèo Mù Cang Chải, chè Shan tuyết Suối Giàng, lúa nếp Tú Lệ; cam sành, quýt sen, hồng không hạt Lục Yên, bưởi Đại Minh, quế Văn Yên, gà đen Mù Cang Chải,...

- Tăng cường thu thập, tư liệu hóa, lập chỉ dẫn địa lý và thực hiện các biện pháp bảo tồn tri thức truyền thống về nguồn gen.

- Triển khai thực hiện Nghị định thư Nagoya về tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích theo hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4. Đánh giá, phát huy lợi ích của đa dạng sinh học phục vụ phát triển bền vững, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu

a) Điều tra, kiểm kê, thống kê, đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và xây dựng cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, trong đó ưu tiên thực hiện kiểm kê, quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực đa dạng sinh học cao, các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Tạo điều kiện cho các tổ chức, cá nhân, cộng đồng tham gia kiểm kê, quan trắc, lập báo cáo và vận hành cơ sở dữ liệu đa dạng sinh học.

b) Sử dụng bền vững đa dạng sinh học và các dịch vụ hệ sinh thái

- Tiếp tục tổ chức thực hiện tốt chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng trên địa bàn tỉnh; áp dụng chính sách chi trả dịch vụ môi trường cho hệ sinh thái đất ngập nước theo hướng dẫn của cơ quan cấp trên.

- Điều tra, đánh giá tiềm năng và quy hoạch mạng lưới du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh; xây dựng mô hình du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải, vùng Hồ Thác Bà,... để trên cơ sở đó nhân rộng trên địa bàn toàn tỉnh.

- Phát triển sản xuất các sản phẩm nông, lâm, ngư nghiệp gắn với bảo tồn và phát triển bền vững tài nguyên sinh vật trên địa bàn, góp phần cải thiện sinh kế, tạo nguồn thu nhập, xoá đói giảm nghèo cho vùng miền núi, đồng bào dân tộc thiểu số; triển khai các biện pháp bảo vệ, phát triển các loài lâm sản ngoài gỗ có giá trị, đặc biệt là các loài cây thuốc, cây cảnh.

- Kiểm soát chặt chẽ việc nuôi thương mại các loài hoang dã để bảo đảm không ảnh hưởng tới đa dạng sinh học; thực hiện gắn chip và lập sổ theo dõi các đối tượng nuôi là loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ.

- Tăng cường bảo vệ, cải thiện và quản lý hiệu quả các hệ sinh thái nông nghiệp; từng bước phát triển nền nông nghiệp hữu cơ thân thiện với môi trường, nâng dần tỷ lệ diện tích đất nông nghiệp sản xuất hữu cơ trên địa bàn tỉnh phù hợp với chỉ tiêu của cả nước.

- Việc khai thác, sử dụng tài nguyên đa dạng sinh học, dịch vụ hệ sinh thái và các hoạt động phát thải vào môi trường tự nhiên phải bảo đảm trong giới hạn chịu tải của hệ sinh thái.

c) Bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học đô thị và nông thôn

- Bảo tồn và phát triển các không gian xanh, các hệ sinh thái tự nhiên, cảnh quan thiên nhiên trong đô thị; bảo đảm diện tích cây xanh, mặt nước trong đô thị theo quy định hiện hành.

- Triển khai thực hiện Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” ở các khu đô thị và vùng nông thôn nhằm tăng cường lợi ích của không gian xanh đối với sức khỏe và hạnh phúc của người dân; ưu tiên trồng cây bản địa có giá trị bảo vệ môi trường, đa dạng sinh học, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Phát triển các công trình xanh, đô thị xanh, đô thị thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu.

d) Bảo tồn đa dạng sinh học thích ứng với biến đổi khí hậu

- Nghiên cứu, đánh giá và dự báo ảnh hưởng của biến đổi khí hậu đến đa dạng sinh học tại Yên Bái, thúc đẩy bảo tồn đa dạng sinh học nhằm chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

- Tiếp tục thực hiện Chương trình quốc gia về giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất và suy thoái rừng; bảo tồn, nâng cao trữ lượng cacbon và quản lý bền vững tài nguyên rừng (Chương trình REDD+).

5. Kiểm soát các hoạt động gây tác động tiêu cực đến đa dạng sinh học

a) Kiểm soát chặt chẽ hoạt động chuyển mục đích sử dụng đất, rừng, mặt nước, phương thức canh tác, khai thác kém bền vững và các hoạt động gây ô nhiễm môi trường

- Thực hiện tốt việc đánh giá tác động đến cảnh quan thiên nhiên và đa dạng sinh học trong đánh giá tác động môi trường đối với các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh.

- Hạn chế tối đa và kiểm soát chặt chẽ việc chuyển mục đích sử dụng rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất là rừng tự nhiên, vùng đất ngập nước quan trọng, các lưu vực sông; nghiêm cấm mọi hình thức đánh bắt, khai thác mang tính diệt nguồn lợi thủy sản.

- Tăng cường kiểm soát chất thải, đặc biệt là rác thải nhựa, các nguồn gây ô nhiễm, duy trì và cải thiện chất lượng môi trường xung quanh các khu bảo tồn thiên nhiên, khu vực đa dạng sinh học cao trên địa bàn tỉnh.

- Thúc đẩy các mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững, tiêu tốn ít nhiên liệu, năng lượng; phát triển các mô hình kinh tế chia sẻ, kinh tế tuần hoàn, các bon thấp, sinh thái, thân thiện với môi trường. Tuyên truyền hướng dẫn người dân sử dụng các sản phẩm thân thiện với môi trường để góp phần bảo vệ đa dạng sinh học.

- Tiếp tục thực hiện tái cơ cấu ngành nông nghiệp, thủy sản theo hướng ứng dụng công nghệ cao, quy trình thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (Good Agricultural Practices - GAP), nông nghiệp hữu cơ, nuôi thủy sản bền vững; hạn chế sử dụng hóa chất trong nông nghiệp (thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, chất tăng trưởng, phân bón hóa học).

b) Kiểm soát nạn khai thác, nuôi nhốt, buôn bán và tiêu thụ động vật, thực vật hoang dã trái pháp luật

- Kiểm soát việc khai thác tận diệt các loài hoang dã, đặc biệt là các loài chim trong các mùa di cư, các loài thủy sinh trong mùa sinh sản, các cây rừng cổ thụ.

- Tiếp tục kiểm soát, ngăn chặn tình trạng khai thác, đánh bắt, vận chuyển, buôn bán trái phép các loài thực vật, động vật hoang dã, quý hiếm.

- Rà soát, đánh giá, kiểm tra, giám sát hoạt động gây nuôi động vật hoang dã; kiểm soát việc thực hiện các yêu cầu của pháp luật về bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học tại các cơ sở gây nuôi động vật hoang dã được cấp phép.

- Vận động, tuyên truyền rộng rãi về việc không tiêu thụ, sử dụng sản phẩm từ động vật hoang dã; thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và các cơ quan truyền thông trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi khai thác, nuôi nhốt, buôn bán và tiêu thụ trái phép động vật, thực vật hoang dã.

- Tăng cường năng lực quản lý, thực thi pháp luật và thực hiện cơ chế phối hợp liên ngành giữa lực lượng cảnh sát môi trường, quản lý thị trường, hải quan, kiểm lâm, kiểm ngư, môi trường và các cơ quan liên quan trong việc phát hiện, ngăn chặn hiệu quả và xử lý nghiêm các hành vi khai thác, nuôi nhốt, buôn bán, tiêu thụ trái phép động vật, thực vật hoang dã.

c) Ngăn ngừa, kiểm soát chặt chẽ và phòng trừ có hiệu quả các loài sinh vật ngoại lai xâm hại; tăng cường quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen.

- Điều tra, thống kê, lập và công bố danh sách các loài sinh vật lạ xâm lấn hiện có trên địa bàn tỉnh. Đánh giá tác động, mức độ xâm lấn và sự ảnh hưởng của sinh vật lạ xâm lấn đối với hệ sinh thái, môi trường và kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Quản lý chặt chẽ các hoạt động nuôi, trồng loài ngoại lai có nguy cơ xâm hại theo quy định của pháp luật; triển khai các biện pháp kiểm soát, diệt trừ loài ngoại lai xâm hại; ngăn ngừa các hoạt động nhập khẩu, nuôi trồng, phát triển, vận chuyển và kinh doanh trái phép loài ngoại lai xâm hại.

- Hướng dẫn và nâng cao nhận thức cộng đồng về phòng ngừa và kiểm soát các loài sinh vật lạ xâm hại.

- Tăng cường học tập kinh nghiệm nâng cao năng lực kỹ thuật, chuyên môn của các cơ quan, đơn vị các cấp về quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen.

III. GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Tăng cường năng lực thực thi pháp luật về đa dạng sinh học

- Tăng cường năng lực hệ thống cơ quan quản lý nhà nước về đa dạng sinh học từ cấp tỉnh đến cấp huyện, cấp xã nhằm thực hiện hiệu quả công tác quản lý đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật hiện hành; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các sở, ngành, địa phương trong công tác quản lý về bảo tồn đa dạng sinh học; triển khai cơ chế phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước về đa dạng sinh học và các tổ chức chính trị - xã hội, các đối tác phát triển trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học theo hướng dẫn của Trung ương.

- Nâng cao năng lực, đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ quản lý đa dạng sinh học của cán bộ quản lý môi trường, cán bộ quản lý khu bảo tồn thiên nhiên, khu di sản thiên nhiên; nâng cao năng lực phối hợp trong thực thi pháp luật về bảo vệ đa dạng sinh học cho lực lượng cảnh sát môi trường, kiểm lâm, kiểm ngư, quản lý thị trường, hải quan; thiết lập đường dây nóng xử lý các vụ việc vi phạm về bảo vệ đa dạng sinh học, động vật, thực vật hoang dã ở địa phương.

2. Nâng cao nhận thức, ý thức về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

- Tăng cường giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ thiên nhiên, bảo vệ loài hoang dã, xây dựng văn hóa ứng xử thân thiện với thiên nhiên; lồng ghép nội dung bảo tồn đa dạng sinh học vào nội dung bảo vệ môi trường trong chương trình giáo dục các cấp theo hướng dẫn của Trung ương; nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, thực hiện trách nhiệm xã hội về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học của các tổ chức, cá nhân.

- Đa dạng hóa hình thức, nội dung và phương thức cung cấp thông tin về đa dạng sinh học phù hợp với đối tượng truyền thông; thường xuyên phổ biến pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học trên phương tiện truyền thông; tôn vinh các tấm gương, sáng kiến của các tổ chức, cá nhân về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

3. Đẩy mạnh lòng ghép và thực hiện các yêu cầu về bảo tồn đa dạng sinh học trong các quy hoạch, chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các dự án đầu tư phát triển trên địa bàn tỉnh

- Thúc đẩy thực hiện các chỉ tiêu về đa dạng sinh học trong các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; tăng cường áp dụng các giải pháp dựa vào thiên nhiên trong phát triển kinh tế - xã hội, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Nâng cao chất lượng công tác đánh giá tác động môi trường để góp phần hạn chế ảnh hưởng tiêu cực tới đa dạng sinh học; giám sát việc thực hiện các cam kết về bảo tồn đa dạng sinh học trong quá trình triển khai xây dựng, triển khai của các dự án phát triển.

4. Thúc đẩy nghiên cứu khoa học, phát triển, chuyển giao và ứng dụng công nghệ tiên tiến trong bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ trong phát triển các mô hình gây nuôi và tái thả các loài hoang dã vào tự nhiên, sử dụng bền vững loài, nguồn gen.

- Phát triển, tiếp nhận chuyển giao công nghệ mới, sử dụng các biện pháp khai thác bền vững về tài nguyên thiên nhiên và đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Tạo điều kiện thuận lợi để các tổ chức, cá nhân trong nước và nước ngoài thực hiện tiếp cận nguồn gen nhằm mục đích nghiên cứu, phát triển các sản phẩm thương mại trên địa bàn tỉnh.

- Ứng dụng có hiệu quả các thành tựu của khoa học công nghệ hiện đại (công nghệ thông tin, viễn thám, sinh học,...) trong quản lý, điều tra, quan trắc, theo dõi, kiểm tra, giám sát đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

5. Bảo đảm nguồn lực tài chính cho bảo tồn đa dạng sinh học

- Cân đối, bố trí vốn ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, đề án, dự án ưu tiên của kế hoạch hành động theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, đầu tư công; nâng cao hiệu quả nguồn vốn đầu tư cho bảo tồn đa dạng sinh học.

- Khuyến khích, huy động sự tham gia của cộng đồng, doanh nghiệp đầu tư tài chính cho bảo tồn đa dạng sinh học; khai thác nguồn vốn đầu tư hỗ trợ của Quỹ Bảo vệ môi trường của tỉnh cho bảo tồn đa dạng sinh học; áp dụng các cơ chế đa dạng hóa nguồn đầu tư cho bảo tồn đa dạng sinh học thông qua các cơ chế chi trả dịch vụ môi trường, bồi hoàn đa dạng sinh học phục vụ bảo tồn cộng đồng để huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học,

phát triển sinh kế cho cộng đồng, đặc biệt là người dân sinh sống hợp pháp trong vùng đệm các khu bảo tồn thiên nhiên.

- Tăng cường sự hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân cho các hoạt động bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

6. Tăng cường hợp tác trong và ngoài nước về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học

- Tăng cường hợp tác với các tỉnh lân cận, xây dựng các hành lang bảo tồn đa dạng sinh học để đảm bảo sự thống nhất cùng nhau phát triển.

- Phối hợp với các cơ quan nghiên cứu thực hiện các dự án về đa dạng sinh học và an toàn sinh học nhằm bảo tồn và phát triển đa dạng sinh học của tỉnh.

- Đa dạng hoá các hình thức hợp tác với các tổ chức nước ngoài trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học để học tập, tiếp nhận, chuyển giao công nghệ và tìm kiếm hỗ trợ kỹ thuật, tài chính.

- Tăng cường hợp tác về nghiên cứu trong lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, thu hút chuyên gia, thu hút vốn đầu tư vào các dự án bảo vệ và phát triển rừng, bảo tồn đa dạng sinh học.

IV. CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN VÀ NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

Ban hành kèm theo Quyết định này là các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ ưu tiên để triển khai thực hiện Kế hoạch hành động tại Phụ lục 01 kèm theo Quyết định này. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các sở, ngành, địa phương chủ động đề xuất, báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt, triển khai.

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

Nguồn vốn thực hiện Kế hoạch hành động bao gồm:

1. Vốn ngân sách nhà nước cấp theo quy định của pháp luật.
2. Lòng ghép trong các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
3. Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh.
4. Thu từ dịch vụ môi trường rừng và cho thuê môi trường rừng, dịch vụ môi trường liên quan đến đa dạng sinh học, chi trả dịch vụ hệ sinh thái.
5. Đầu tư, đóng góp, ủng hộ, tài trợ từ tổ chức, cá nhân.
6. Nguồn tài chính khác theo quy định pháp luật.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Phân công trách nhiệm thực hiện

a) Sở Tài nguyên và Môi trường

- Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương tổ chức thực hiện Kế hoạch hành động.

- Xây dựng trình cấp có thẩm quyền phê duyệt và tổ chức thực hiện có hiệu quả một số chương trình, đề án, dự án ưu tiên được phân công.

- Chủ trì phối hợp với các sở, ngành, địa phương xây dựng và tổ chức thực hiện Chương trình tuyên truyền, nâng cao nhận thức về đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, kiểm tra, giám sát và tổng hợp báo cáo kết quả việc thực hiện Kế hoạch hành động trên phạm vi toàn tỉnh.

b) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

- Chủ trì, thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động thuộc trách nhiệm quản lý, các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm về sử dụng bền vững đa dạng sinh học trong nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản; kiểm soát chặt chẽ tác động từ việc chuyển mục đích sử dụng đất, mặt nước cho mục đích phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản, việc chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác ngoài lâm nghiệp;

- Tổ chức thực hiện hiệu quả Đề án “Trồng một tỷ cây xanh giai đoạn 2021 - 2025” gắn với phục hồi các hệ sinh thái rừng tự nhiên; thực hiện lồng ghép các nhiệm vụ bảo tồn đa dạng sinh học trong kế hoạch, chương trình, dự án về phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản;

- Chủ trì, phối hợp với các sở ngành địa phương có liên quan thực hiện các nhiệm vụ và các chương trình, đề án, dự án được phân công của Kế hoạch hành động thuộc phạm vi, trách nhiệm quản lý của ngành.

c) Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì tổng hợp, bố trí nguồn vốn đầu tư, vận động các nguồn tài trợ quốc tế nhằm thực hiện có hiệu quả kế hoạch hành động; hằng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí nguồn vốn đầu tư để thực hiện các chương trình, đề án, dự án về đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật về đầu tư công.

d) Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí phù hợp với khả năng cân đối ngân sách hằng năm để thực hiện các chương trình, đề án, dự án và nhiệm vụ chủ yếu của Kế hoạch hành động.

đ) Sở Khoa học và Công nghệ

Chủ trì, phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở, ngành liên quan tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ phù hợp với các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch hành động.

e) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

Tổ chức hướng dẫn thực hiện các yêu cầu về quản lý, bảo vệ môi trường di sản thiên nhiên theo thẩm quyền và quy định của Luật Bảo vệ môi trường tại các khu, điểm du lịch; phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường tổ chức thực hiện các yêu cầu về bảo tồn đa dạng sinh học trong phát triển du lịch dựa vào thiên nhiên và du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh theo quy định hiện hành; lồng ghép thực hiện các yêu cầu về bảo tồn đa dạng sinh học trong các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ liên quan phù hợp với các mục tiêu, nội dung của Kế hoạch hành động.

g) Sở Thông tin và Truyền thông

Chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan báo chí, cơ quan truyền thông, hệ thống thông tin thực hiện tuyên truyền, phổ biến pháp luật về bảo tồn đa dạng sinh học trên các phương tiện truyền thông; tôn vinh các tấm gương, sáng kiến của các tổ chức, cá nhân về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; thúc đẩy sự tham gia của cộng đồng và các cơ quan truyền thông trong phát hiện, ngăn chặn các hành vi khai thác, nuôi nhốt, buôn bán và tiêu thụ trái phép động, thực vật hoang dã.

h) Công an tỉnh

Tổ chức thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp của Kế hoạch hành động thuộc trách nhiệm quản lý; tổ chức thực hiện các nhiệm vụ đấu tranh, ngăn chặn các hoạt động xâm hại đến an ninh quốc gia trong lĩnh vực đa dạng sinh học; phòng, chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật có liên quan đến tội phạm trong bảo vệ đa dạng sinh học.

i) Các sở, ban, ngành khác

Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường và sở ngành liên quan xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ phù hợp với mục tiêu, nội dung, biện pháp và giải pháp của Kế hoạch hành động.

k) Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

Xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch đa dạng sinh học của địa phương để triển khai các nội dung của Kế hoạch hành động này.

1) Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và tổ chức chính trị - xã hội của tỉnh

Phối hợp với các ngành chức năng và chính quyền các cấp xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình tuyên truyền, vận động và giáo dục pháp luật về bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học cho các hội viên và nhân dân; chủ động tham gia, giám sát việc hoạt động bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học; tổ chức các phong trào quần chúng tham gia bảo tồn và sử dụng bền vững đa dạng sinh học.

2. Theo dõi, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động

Các sở, ban, ngành, tổ chức đoàn thể và địa phương theo dõi, đánh giá việc thực hiện Kế hoạch hành động theo chức năng, nhiệm vụ và trách nhiệm được giao; gửi báo cáo đánh giá giữa kỳ tới Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 9 năm 2025 và báo cáo đánh giá cuối kỳ trước ngày 15 tháng 9 năm 2030 để tổng hợp, báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường./.



Phụ lục 01

DANH MỤC CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, DỰ ÁN VÀ NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số 109/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
1	Chương trình bảo tồn các loài động vật hoang dã nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ tại một số khu vực như: Khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hầu, huyện Văn Yên; Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải; khu rừng Tân Phượng, huyện Lục Yên; khu rừng Việt Hồng, huyện Trấn Yên; sông Thao, sông Chảy, ngòi Thia, hồ Thác Bà.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Sở Tài nguyên và Môi trường, các sở ngành, cơ quan có liên quan, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan	2022-2030
2	Điều tra, thống kê diện tích, đánh giá hiện trạng và lập bản đồ phân vùng sinh thái, xác định các vùng sinh thái có tính đa dạng sinh học cao, các vùng sinh thái bị suy thoái, các vùng sinh thái nhạy cảm	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan	2023 - 2030
3	Tăng cường phòng chống tội phạm về đa dạng sinh học	Công an tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan	2022-2030

TT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
4	Điều tra, kiểm kê, thống kê, đánh giá và xây dựng cơ sở dữ liệu về đa dạng sinh học	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan	2022 - 2030
5	Chương trình tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật, nâng cao nhận thức về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	Sở Tài nguyên và Môi trường (các địa phương, các khu vực đa dạng sinh học cao của tỉnh ngoài hai khu bảo tồn) Sở Nông nghiệp và PTNT (Vùng lõi và vùng đệm Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải, Khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hẩu)	Các sở, ngành, cơ quan liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố và các cơ quan có liên quan	2022 - 2030
6	Tổ chức điều tra và công bố Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ theo quy định. Điều tra xác định các nguồn gen quý hiếm, có	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông	Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thị	2022 – 2030

TT	Tên chương trình, đề án, dự án, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
	giá trị kinh tế và đa dạng sinh học cao trên địa bàn tỉnh.	thôn	xã, thành phố và các cơ quan có liên quan	
7	Điều tra, thống kê, lập và công bố danh sách các loài sinh vật lạ xâm lấn hiện có trên địa bàn tỉnh. Đánh giá tác động, mức độ xâm lấn và sự ảnh hưởng của sinh vật lạ xâm lấn đối với hệ sinh thái, môi trường và kinh tế - xã hội của tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan có liên quan	2022 – 2030
8	Dự án xây dựng mạng lưới quan trắc đa dạng sinh học tại các khu bảo tồn và các vùng đất ngập nước quan trọng trên địa bàn tỉnh.	Sở Tài nguyên và Môi trường	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư, UBND các huyện, thành phố, thị xã và các cơ quan có liên quan	2022-2030
9	Điều tra, đánh giá tiềm năng và quy hoạch mạng lưới du lịch sinh thái trên địa bàn tỉnh; xây dựng mô hình du lịch sinh thái tại Khu bảo tồn thiên nhiên Nà Hầu, Khu bảo tồn loài và sinh cảnh Mù Cang Chải, vùng Hồ Thác Bà và các khu vực giàu đa dạng sinh học khác;	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Các sở, ngành, cơ quan liên quan; UBND các huyện, thị xã, thành phố	2022-2030



Phụ lục 02
CHỈ TIÊU GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA TRONG KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG
GIẢI ĐOẠN ĐẾN NĂM 2030

Ban hành kèm theo Quyết định số 1094/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

TT	Chỉ tiêu quốc gia	Cơ quan theo dõi, đánh giá	Lộ trình thực hiện tính đến các mốc thời gian	
			Năm 2025	Năm 2030
1	Tỷ lệ diện tích các khu bảo tồn thiên nhiên so với diện tích lãnh thổ đất liền	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	4,75% (32.725ha/ 689.267ha)	4,53% (31.226ha/ 689.267ha)
2	Tỷ lệ % các khu di sản thiên nhiên, khu bảo tồn được đánh giá hiệu quả quản lý theo các tiêu chí đánh giá được ban hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	50%	100%
3	Tỷ lệ che phủ rừng được duy trì ổn định	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	63%	63%
4	Tỷ lệ % các hệ sinh thái tự nhiên suy thoái được phục hồi	Sở Tài nguyên và Môi trường (Hệ sinh thái ngập nước) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Hệ sinh thái rừng)	3%	7%

TT	Chỉ tiêu quốc gia	Cơ quan theo dõi, đánh giá	Lộ trình thực hiện tính đến các mốc thời gian	
			Năm 2025	Năm 2030
5	Tỷ lệ % các khu vực có đa dạng sinh học cao được áp dụng chính sách bảo tồn hiệu quả	Sở Tài nguyên và Môi trường (Đối với các hệ sinh thái khác) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Đối với hệ sinh thái rừng)	10%	50%
6	Tỷ lệ % các loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ nằm trong phương án quản lý, giám sát tại các khu bảo tồn thiên nhiên và các khu vực có giá trị bảo tồn cao	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	30%	80%
7	Số chương trình gây nuôi bảo tồn và tái thả một số loài ưu tiên bảo vệ được xây dựng và ban hành	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	0 loài	1 loài
8	Số lượng nguồn gen, mẫu giống cho các nhóm nguồn gen được thu thập, lưu giữ	Sở Khoa học và Công nghệ	8	10
9	Gia tăng số lượng hồ sơ tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích được thực hiện so với năm 2020	Sở Tài nguyên và Môi trường	100%	150%
10	Tỷ lệ % quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án đầu tư công thực hiện lồng ghép các yêu cầu về bảo tồn đa dạng sinh học	Sở Tài nguyên và Môi trường	70%	100%